







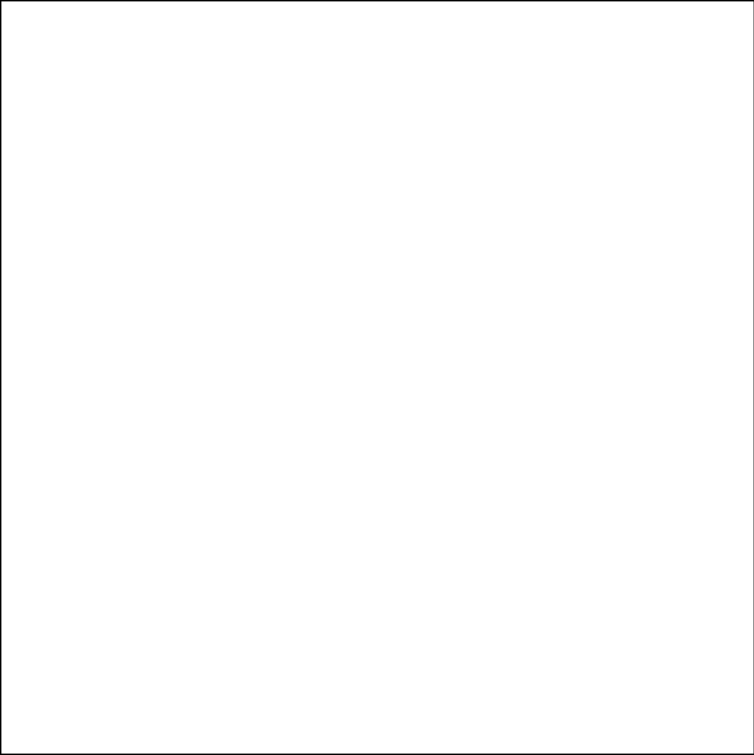
Ngày tôi rời khỏi thành phố

離家進城的那一天

-  Lesley Koyi, Ursula Nafula
-  Brian Wambi
-  Nana Trang
-  Vietnamese / Chinese (Mandarin)
-  Level 3

(imageless edition)

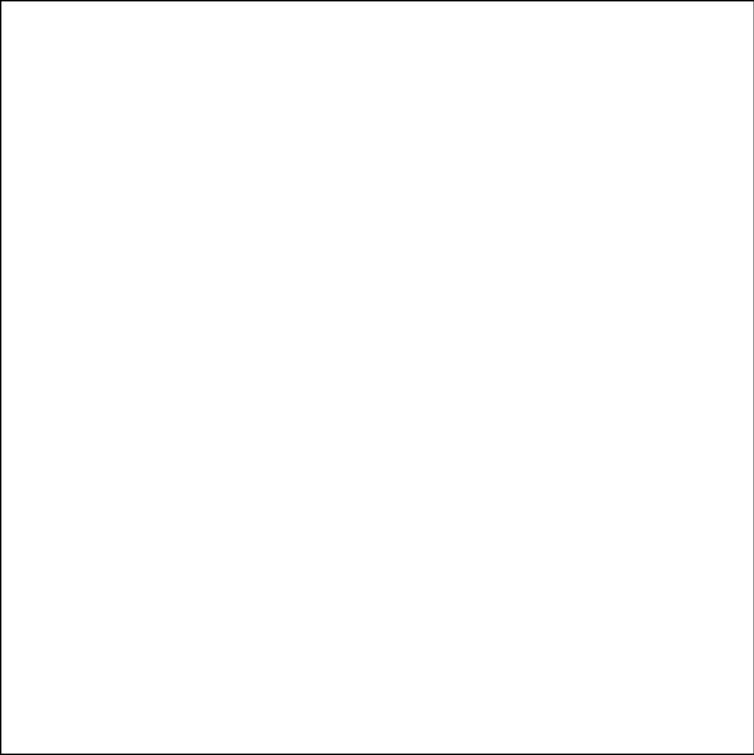




Một chiếc xe bus nhỏ đỗ tại làng tôi. Mọi người trong làng chen chúc và chen lấn nhau. Có rất nhiều thứ cần được cho lên xe. Người kiểm vé đang la tên những điểm tới của xe họ.

...

在我生活的村莊裡，有一個小小的大巴車站。大巴車站雖然小，但是人來車往，非常熱鬧，地上常常堆滿了裝載的貨物，售票員叫喊著大巴車開往的方向。



“Đi về thành phố! Đi về thành phố! Đi về phía Tây!”
Tôi nghe tiếng gọi từ chiếc xe buýt tôi cần đi.

...

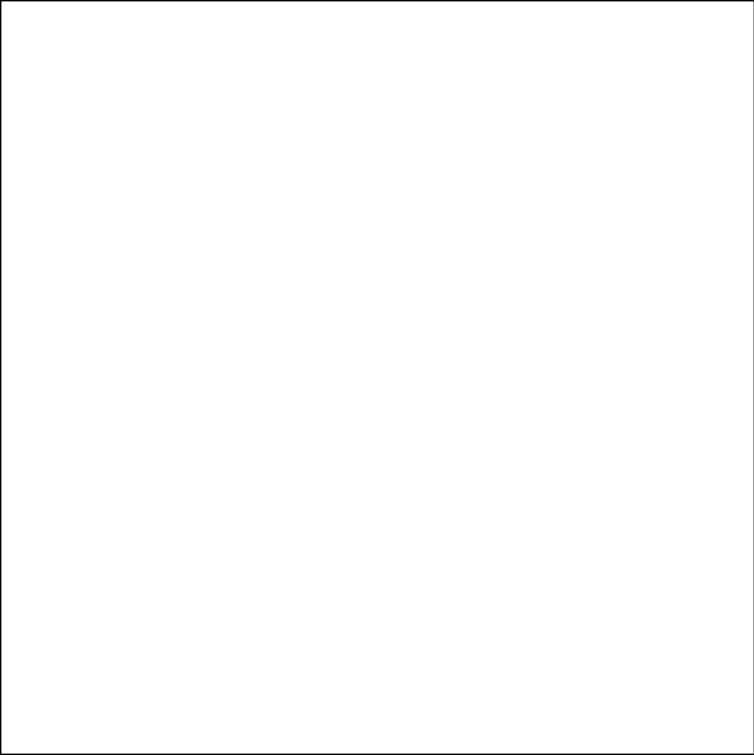
我聽到售票員喊“進城啦！進城啦！往西去！”這就是我要乘坐的大巴車。



Xe đi thành phố đã gần đầy, nhưng nhiều người vẫn muốn lên. Vài người đã chất đồ vào gầm xe. Những người còn lại sử dụng ngăn để đồ phía trên ghế.

...

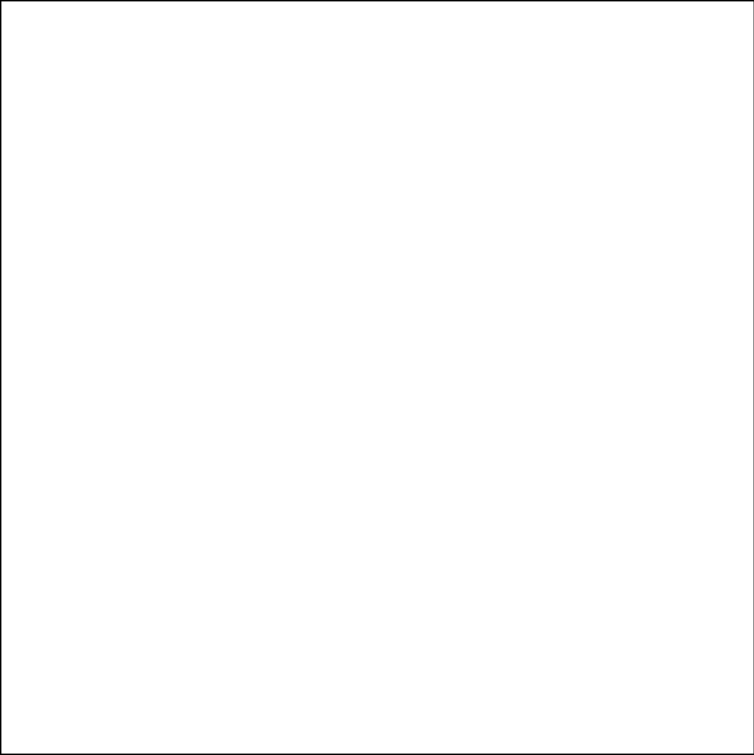
進城的大巴車幾乎坐滿了，但是人們還是不停地往裡面擠。一些人把行李放在車頂，還有一些人把行李放在車廂裡的架子上。



Những người hành khách mới đến nắm chặt vé trong tay, tìm chỗ để ngồi. Những người phụ nữ và trẻ nhỏ đã yên vị.

...

剛上車的乘客們緊緊地抓著他們的車票，在擁擠的車廂裡尋找座位，帶著小孩的婦女們都坐得舒舒服服的。



Tôi chen vào một chỗ gần cửa sổ. Một người ngồi kế tôi giữ chặt chiếc túi xanh của anh ta. Anh ta mang đôi xăng đan cũ kĩ, một chiếc áo khoác sờn và anh trông không được thoải mái lắm.

...

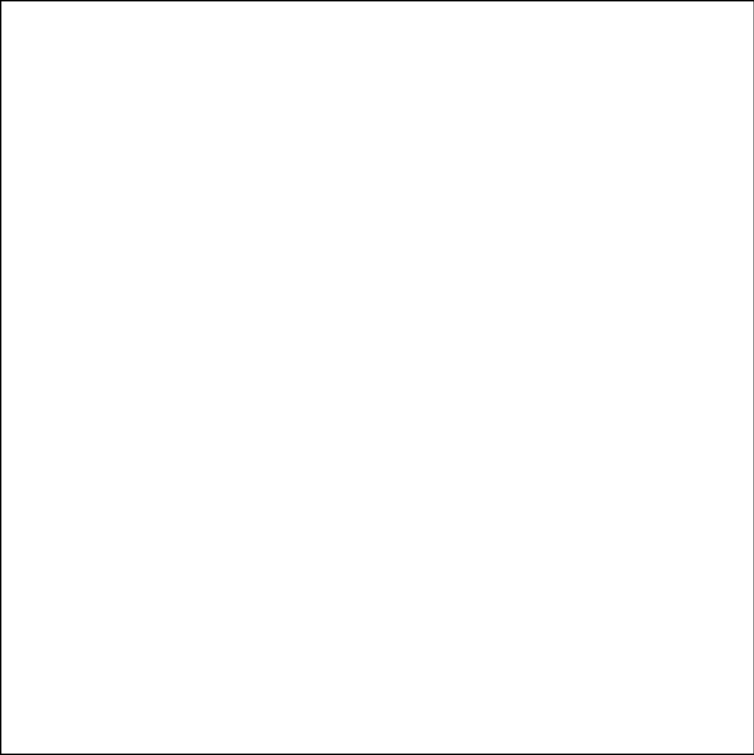
我擠到了窗邊的一個座位裡。旁邊的乘客緊緊地抓著一個綠色的塑料包裹。他穿著破舊的涼鞋和外套，看起來很緊張。



Tôi nhìn ra ngoài và nhận ra tôi đang rời khỏi làng,
nơi tôi đã lớn lên. Tôi đang đi về phía thành phố lớn.

...

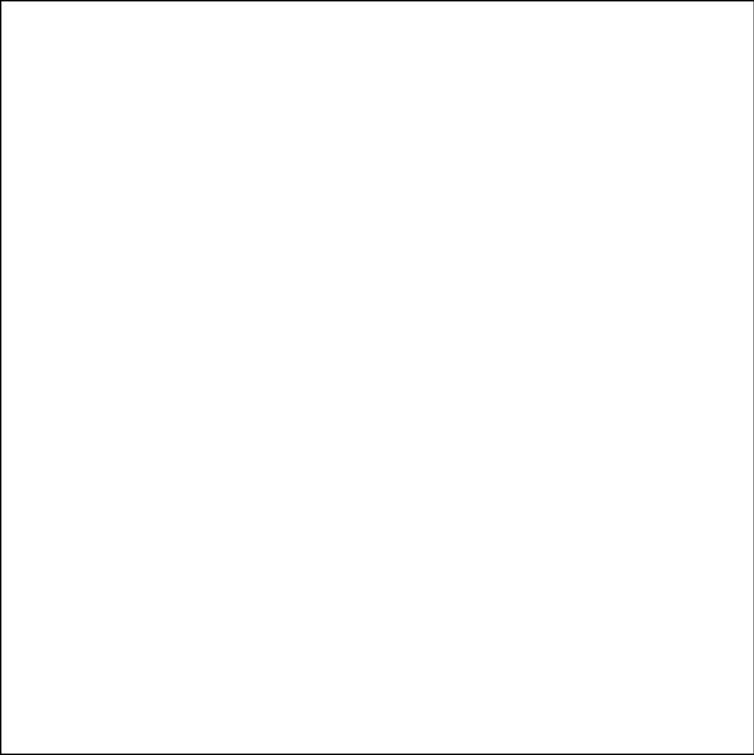
我朝窗外看去，這才意識到，我正在離開我長大的村
莊，我要進城了！



Mọi hành khách đã có được chỗ ngồi. Những người bán hàng rong chen chân lên xe để rao hàng, rao lên những thứ họ bán. Nghe thật vui tai.

...

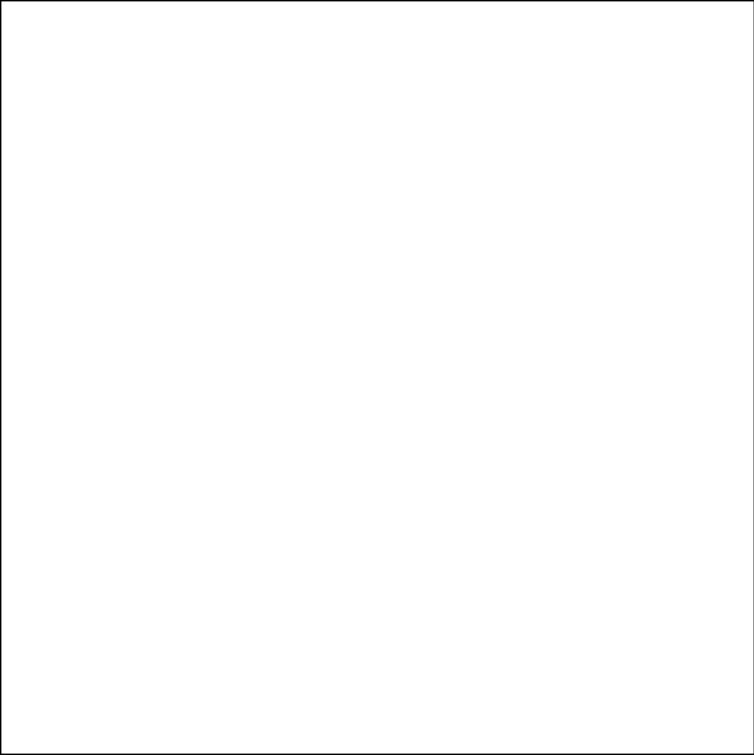
貨物都裝載完了，乘客們都坐好了。小商販們還在努力地擠到車廂裡，向乘客們大聲叫賣著貨物。他們的話聽起來怪好笑的。



Vài người hành khách mua nước và đồ ăn vặt.
Những người không có tiền, như tôi, thì ngồi yên.

...

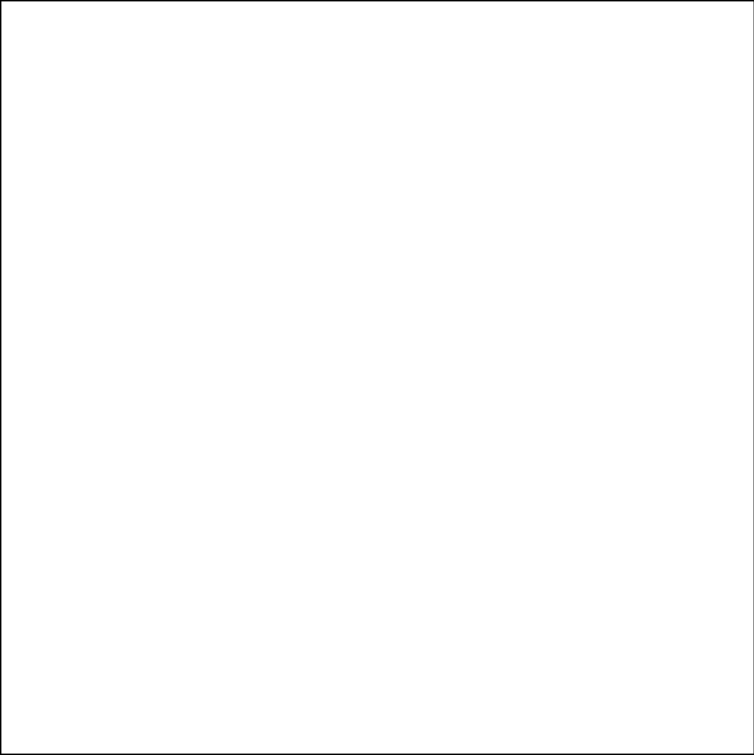
有一些乘客買了飲料，還有一些乘客買了零食，正準備拆開來吃。像我一樣沒有錢的人只能看著。



Tiếng còi xe cắt ngang mọi hoạt động, báo hiệu xe sắp chuyển bánh. Người soát vé bảo những người bán hàng rong ra khỏi xe.

...

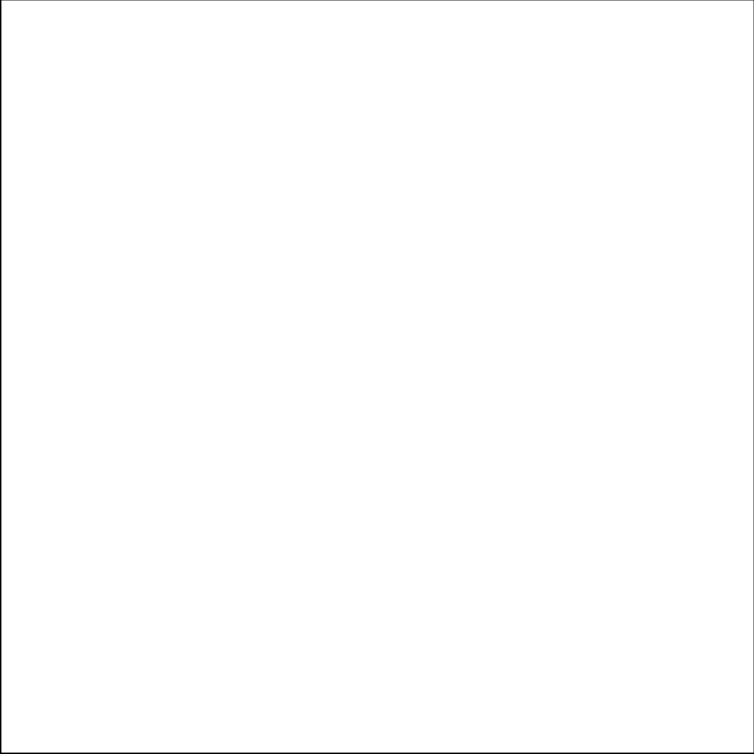
大巴車滴滴叫了兩聲，要開了，小商販的活動戛然而止。售票員喊著，趕他們下車。



Họ trả tiền thối cho khách và chen nhau đi ra khỏi xe. Vài người ráng nán lại bán hàng.

...

小商販們推推搡搡下了車。一些人還在忙著找零錢，還有一些人賴著想最後再做點生意。



Khi xe rời khỏi bến đỗ, tôi nhìn ra cửa sổ, tự nhủ tới khi nào tôi được về thăm làng tôi.

...

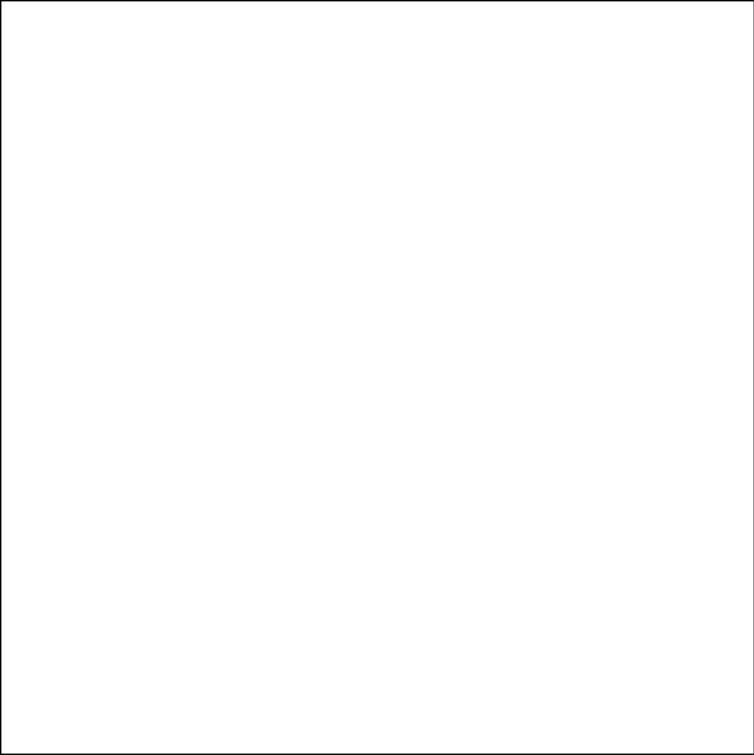
大巴車緩緩離開了車站，我看著窗外，不知道今後會不會有機會回來了。



Xe trở nên nực hờn. Tôi nhắm tịt mắt, cố gắng đi ngủ.

...

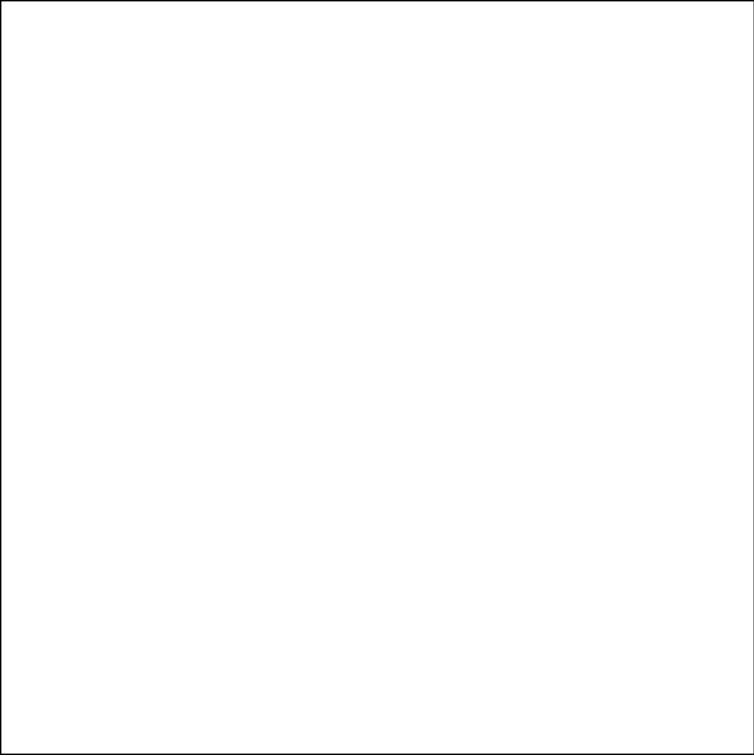
旅程漸漸展開，車廂裡慢慢熱了起來，我閉上眼睛，想小睡一會兒。



Nhưng tâm trí tôi hiện lên hình ảnh nhà tôi. Liệu mẹ tôi có ổn? Những con thỏ có bán được không? Em trai tôi sẽ nhớ tưới cây chứ?

...

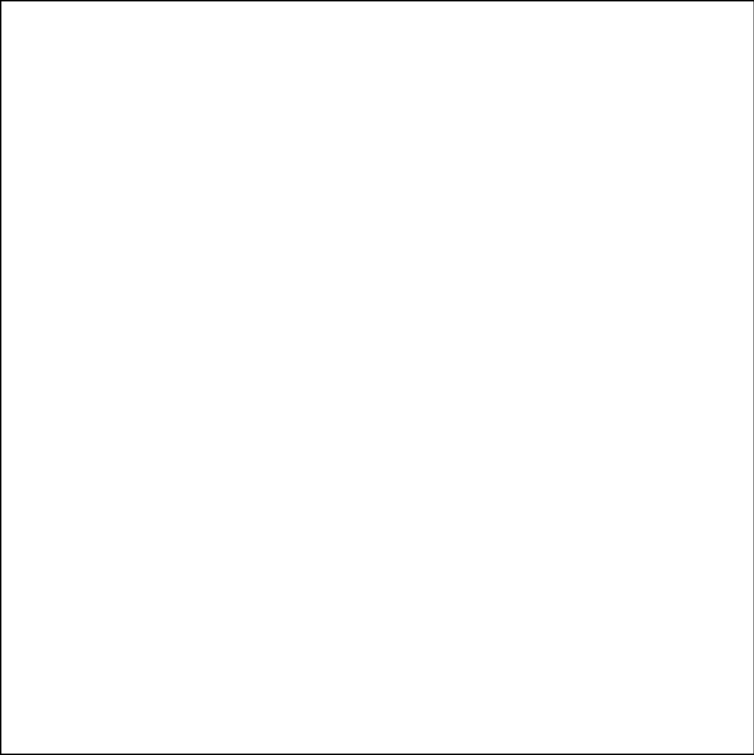
但我的思緒卻飛回了家。我的媽媽安全嗎？我的兔子會賣了賺錢嗎？我的弟弟會幫著給小樹苗澆水嗎？



Trên đường đi, tôi cố nhớ nơi ở của chú tôi ở thành phố. Tôi vẫn lẩm bẩm địa chỉ trong giấc ngủ của tôi.

...

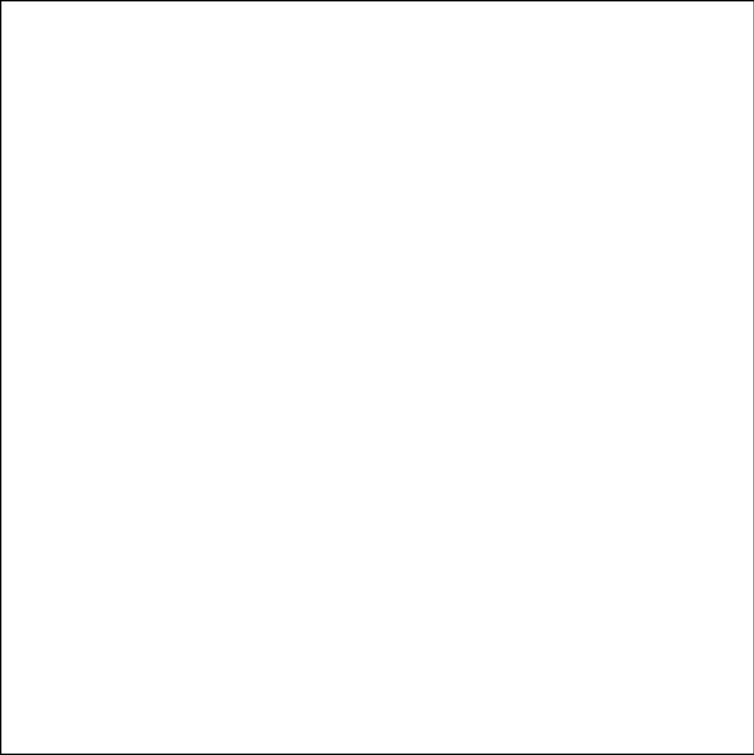
在路上，我努力記住我叔叔在城市裡的地址。我迷迷糊糊地說著地址，沉沉地睡去。



Chín tiếng sau, tôi bật dậy bởi tiếng gọi khách cho chuyến đi trở về làng tôi. Tôi nhanh chóng vác túi và ra khỏi xe buýt.

...

過了九個小時，我被售票員的叫喊聲吵醒了，他在喊乘客坐車回村莊。我一把抓住我的包，跳下了車。



Chiếc buýt nhanh chóng đầy người, chuẩn bị đi về lại hướng Đông. Việc tôi cần làm bây giờ là tìm chú tôi thôi.

...

回程的大巴車很快就坐滿了，不久就要開回東邊的村莊去了。對我來說，現在最重要的事情就是找到我叔叔的家。



香港故事書

global-asp.github.io/storybooks-hongkong

Ngày tôi rời khỏi thành phố

離家進城的那一天

Written by: Lesley Koyi, Ursula Nafula

Illustrated by: Brian Wambi

Translated by: Nana Trang (vi), Vicky Liu (zh)

This story originates from the African Storybook (africanstorybook.org) and is brought to you by [香港故事書](https://global-asp.github.io/storybooks-hongkong) in an effort to provide children's stories in 香港's many languages.



This work is licensed under a Creative Commons
[Attribution 4.0 International License](https://creativecommons.org/licenses/by/4.0/).